

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày 30 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Sơn; ông Lê Đình Phước.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2023/TLST-HS ngày 21/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 16/01/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn Q, sinh ngày 20/10/1979 tại xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản V, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 05/12; con ông Bùi Quang T (đã chết) và bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1953; có vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 và 03 đứa con, lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất 08 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 05/10/2023 chuyển tạm giam từ ngày 12/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

2. Họ và tên: Vũ Thanh T2, sinh ngày 17/3/1986 tại xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; con ông Vũ Thanh B, sinh năm 1955 và bà Trần Thị T3, sinh năm 1955; có vợ: Phan Thị Thu H, sinh năm 1985 và 02 đứa con, lớn 12 tuổi, nhỏ 07 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 05/10/2023 chuyển tạm giam từ ngày 12/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn Q: Ông Lê Văn Q1 - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Cảnh Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: Anh Nguyễn Đức T4, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 05/10/2023, tại khu vực B Cửa khẩu quốc tế C thuộc địa phận thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế C phối hợp với các lực lượng chức năng tiến hành kiểm tra phương tiện xe đầu kéo biển kiểm soát 37H-019.04, kéo Rơ moóc biển kiểm soát 37R-02683 do Vũ Thanh T2, sinh năm 1986, trú tại xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An điều khiển và lái phụ Bùi Văn Q, sinh năm 1979, trú tại bản V, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An nhập cảnh từ Lào về Việt Nam. Quá trình kiểm tra xe đầu kéo biển kiểm soát 37H-019.04 phát hiện dưới giường trong Cabin có 01 lọ nhựa hình trụ cao 08cm, đường kính đáy 3,5cm, đầu hình chóp, bên ngoài có in chữ “Candy” màu hồng, bên trong có chứa 34 viên nén màu hồng; ở dưới ghế lái có 02 gói ni lông màu trắng bên trong đựng các vật hình tròn bằng nhựa, nhiều màu sắc, mỗi vật đều có đường kính 2,7cm được gắn với một đoạn dây màu xanh dài 2,5cm; ở dưới bậc lên xuống cửa Cabin bên phụ có 03 bịch ni lông màu trắng được quấn bằng băng dính màu trắng, bên trong có chứa 06 vật hình khối, kích thước mỗi vật (14x14x10)cm, bên ngoài bọc giấy có in hoa văn nhiều màu sắc và chữ nước ngoài; ở dưới bậc lên xuống cửa Cabin bên lái có 02 bịch ni lông màu đen được quấn bằng băng dính màu trắng, bên trong chứa 03 vật hình khối, kích thước mỗi vật (14x14x10)cm, bên ngoài bọc giấy có in hoa văn nhiều màu sắc và có chữ nước ngoài. Tiếp tục kiểm tra Rơ moóc biển kiểm soát 37R-026.83 phát hiện ở mâm xích xi có 03 bịch ni lông màu đen được quấn bằng băng dính màu trắng, bên trong có chứa 08 vật hình khối, kích thước mỗi vật (16x16x10)cm, và 01 vật hình khối, kích thước (14x14x10)cm, bên ngoài các vật đều bọc giấy có in hoa văn nhiều màu sắc và chữ nước ngoài. Vũ Thanh T2 và Bùi Văn Q khai nhận 18 vật hình khối, bên ngoài mỗi vật đều bọc giấy có in hoa văn nhiều màu sắc, chữ nước ngoài và 02 gói ni lông bên trong chứa các vật hình tròn bằng nhựa, nhiều màu sắc là pháo hoa nổ và pháo bi của T2 và Q mua ở nước Lào với giá 4.000.000 kíp đưa về Việt Nam để sử dụng; còn 34 viên nén màu hồng T2 khai là ma túy, loại Hồng phiến của T2 mua ở nước Lào với giá 200.000 kíp để đưa về Việt Nam sử dụng riêng. Tiếp tục kiểm tra, lực lượng chức năng thu giữ thêm sổ Hộ chiếu, thẻ Căn cước công dân và 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo của T2 và Q. Xét thấy hành vi của Vũ Thanh T2 và Bùi Văn Q vi phạm pháp luật nên tổ công tác đã đưa các đối tượng cùng tang vật, phương tiện về Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế C để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng.

- Tại bản kết luận giám định số 909/KL-KTHS ngày 07/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, kết luận: 34 viên nén màu hồng chứa trong 01 lọ nhựa hình trụ cao 08cm, đáy tròn, đường kính 3,5cm, đầu hình chóp, bên ngoài in chữ “Candy” màu hồng gửi giám định là ma túy, loại

Methamphetamine, có khối lượng: 3,1747gam. (Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II.B, STT 14, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ).

- Tại bản kết luận giám định số 911/KL-KTHS ngày 09/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, kết luận:

+ 10 vật hình khối, kích thước mỗi vật (14x14x10)cm, bên ngoài bọc giấy có in hoa văn nhiều màu sắc, chữ nước ngoài gửi giám định là pháo có đầy đủ tính năng của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ), có khối lượng là 11,95kg;

+ 08 vật hình khối, kích thước mỗi vật, kích thước mỗi vật (16x16x10)cm, bên ngoài bọc giấy có in hoa văn nhiều màu sắc, chữ nước ngoài gửi giám định là pháo có đầy đủ tính năng của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích nổ hoặc đốt có gây tiếng nổ), có khối lượng là: 12,46kg;

+ Các vật hình tròn bằng nhựa, nhiều màu sắc, mỗi vật đều có đường kính 2,7cm và được gắn với một đoạn dây màu xanh dài 2,5cm đựng trong 02 gói ni lông màu trắng gửi giám định là pháo nổ, có khối lượng là 0,66kg.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Chiều ngày 03/10/2023, Vũ Thanh T2 và Bùi Văn Q điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 37H-019.04 kéo theo Rơ moóc biển kiểm soát 37R - 026.83 của Công ty Cổ phần V, có trụ sở tại khối B, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An, để chở hàng nông sản, xuất cảnh sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua Cửa khẩu quốc tế C1, tỉnh Quảng Bình. Khi đến Lào, Q nói với T2 tìm mua pháo đưa về Việt Nam để sử dụng thì T2 đồng ý. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đến trạm thuế L (nước Lào) ăn tối, sau khi ăn xong, Quyền ra xe nghỉ, còn T2 gặp một người đàn ông người Lào, tên K cũng là lái xe đầu kéo nên T2 nhờ người này mua giúp 10 hộp pháo hoa loại 36 quả, 08 hộp pháo hoa loại 49 quả và 02 bịch pháo bi. K đồng ý, nói T2 điều khiển xe đi theo đến ngã ba T, Lào để lấy. Khi lên xe, T2 nói với Q đã liên hệ mua được pháo. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 04/10/2023, khi đi qua ngã ba Thang Bèng khoảng 10km, K dừng xe trước một lán nhỏ cạnh đường, thuộc bản ThôNaMy, Lào. T2 điều khiển xe dừng lại thì thấy có một người đàn ông đi xe mô tô chờ sẵn đưa cho 02 thùng cát tông đựng pháo. T2 trả tiền cho K 4.000.000 kíp, tiền mua pháo rồi cùng với Q bỏ 02 thùng cát tông lên Ca bin xe. Sau đó, Q điều khiển xe còn T2 mở hai thùng cát tông bỏ các hộp pháo vào các túi ni lông màu đen, quần băng dính bên ngoài. Khoảng 18 giờ ngày 04/10/2023, cả hai đến trả hàng tại thủ đô V, Lào. Đến 22 giờ ngày 04/10/2023, T2 điều khiển xe về hướng cửa khẩu quốc tế C. Đến khoảng 02 giờ ngày 05/10/2023 khi đi qua dốc M, huyện P, Lào thì cả hai dừng xe để cất giấu pháo tại các vị trí trên xe, cụ thể: Ở Xắc xi phía sau moóc 08 hộp pháo hoa loại 49 quả và 01 hộp pháo hoa loại 36 quả, ở bậc lên xuống của hai bên Ca bin 09 hộp pháo hoa loại 36 quả, còn 02 túi pháo bi để dưới ghế lái. Sau khi cất giấu pháo xong, Q điều khiển xe một lúc rồi đổi lái cho T2 để ngủ. Khoảng 08 giờ cùng ngày khi đi đến huyện V, tỉnh Bolikhamxay, Lào lúc này Q đang ngủ thì T2 thấy một người đàn ông hành nghề lái xe tải, nhưng không rõ tên tuổi, địa chỉ

đang dừng xe bên đường nên T2 qua hỏi địa điểm bán Hồng phiến để mua và được người này hướng dẫn đến nhà của một người phụ nữ gần đó, đồng thời chủ động cho T2 04 viên Hồng phiến, T2 để 04 viên Hồng phiến trên thùng đựng nước trong Cabin xe. Tiếp đó, theo hướng dẫn của người này T2 đi đến một ngôi nhà và gặp một người phụ nữ người Lào, nhưng không rõ tên tuổi và địa chỉ cụ thể, mua 01 gói Hồng phiến bên trong có 34 viên nén mùa hồng với giá 200.000 kíp Lào. Mua được H1 phiến, T2 bỏ vào một cái lọ nhựa rồi cất dấu ở dưới nệm, trên giường tầng hai phía sau ghế lái rồi tiếp tục điều khiển xe. Đi được một lúc, Quyền dậy thì T2 nói có 04 viên H1 phiến để trên thùng nước nên Q lại lấy sử dụng hết (T2 không nói cho Q biết về việc đã mua 34 viên Hồng phiến). Sau đó, T2 tiếp tục điều khiển xe đi về phía Cửa khẩu quốc tế C làm thủ tục nhập cảnh. Quá trình kiểm tra lực lượng chức năng đã phát hiện, thu giữ 10 hộp pháo hoa loại 36 quả, 08 hộp pháo hoa loại 49 quả, 02 bịch pháo bi và 01 lọ nhựa đựng 34 viên Hồng phiến.

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 xe đầu kéo biển kiểm soát 37H-019.04, nhãn hiệu CNHTC, màu bạc, kéo theo Rơ moóc biển kiểm soát 37R-026.83, nhãn hiệu Xinhongdong, màu xanh, trên Rơ moóc có thùng Container màu trắng ghi chữ “THINH LOC”;

+ 01 Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào số 1758/2023 của phương tiện 37H-019.04 đã đóng dấu nhập cảnh Việt Nam ngày 05/10/2023;

+ 01 Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào số 1757/2023 của phương tiện 37R-029.83 đã đóng dấu nhập cảnh Việt Nam ngày 05/10/2023.

Các vật chứng này Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

+ 25,07 kg pháo (đã lấy mẫu giám định 0,36kg), còn lại 24,71kg cùng toàn bộ vỏ bao gói được đựng trong 01 thùng các tông kích thước (46x48x35)cm dán kín, trên mép dán có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong, Vũ Thanh T2 và Bùi Văn Q;

+ 3,1747gam Methamphetamine (đã lấy mẫu giám định 0,4683gam), còn lại 2,7064gam cùng toàn bộ vỏ bao, lọ nhựa được bỏ trong 01 phong bì thư dán kín, trên mép dán có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong, Vũ Thanh T2 và Bùi Văn Q;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu bạc, điện thoại đã qua sử dụng (thu giữ của Vũ Thanh T2);

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim số 0975.493.916 và 0836.651.783 (thu giữ của Bùi Văn Q);

+ 01 căn cước công dân số 040086004332, mang tên Vũ Thanh T2, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/04/2021;

+ 01 hộ chiếu số P 02259872, mang tên Vũ Thanh T2, cấp ngày 21/6/2023;

+ 01 căn cước công dân số 040079003708, mang tên Bùi Văn Q do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/4/2021;

+ 01 hộ chiếu số K0316293, mang tên Bùi Văn Q, cấp ngày 14/3/2022;

Các vật chứng trên đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H cất giữ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại cáo trạng số 03/CT-VKS-HS ngày 19/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Vũ Thanh T2 về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Văn Q về tội “Vận chuyển hàng cấm”, theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo như Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thanh T2 từ 30 đến 36 tháng tù, bị cáo Bùi Văn Q từ 36 đến 42 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thanh T2 từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Trợ giúp viên pháp lý trong bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Bùi Văn Q không có ý kiến gì về các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng, cũng như đồng ý với tội danh truy tố bị cáo; chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cũng như xem xét đến nhân thân, điều kiện hoàn cảnh của bị cáo Bùi Văn Q để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội; đồng thời đề nghị miễn án phí cho bị cáo Q.

Các bị cáo đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình của mình. Các bị cáo không kêu oan và không có ý kiến gì tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát, đồng thời thể hiện sự ăn năn, hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 05/10/2023, tại khu vực Barie số 02, Cửa khẩu quốc tế C, thuộc địa phận thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, Vũ Thanh T2 và Bùi Văn Q đã bị Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế C phối hợp với các lực lượng chức năng phát hiện và bắt quả tang khi đang vận chuyển 25,07kg pháo, trong đó có 24,41kg có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ) và 0,66kg pháo nổ từ nước Lào về Việt Nam để sử dụng; Riêng bị cáo Vũ Thanh T2 còn bị phát hiện và bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép 3,1747gam Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Với trọng lượng pháo các bị cáo vận chuyển là 25,07kg và các bị cáo vận chuyển qua biên giới thì hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự; còn với trọng lượng ma túy 3,1747gam Methamphetamine bị cáo Vũ Thanh T2 tàng trữ thì hành vi của bị cáo T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa thể hiện rõ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Thanh T2 có cha đẻ là ông Vũ Thanh B được Nhà nước tặng Bằng khen vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ; có cha vợ là ông Phan Đình B1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, hạng Ba; Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, Ba và Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì; bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo Bùi Văn Q có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn và là gia đình thuộc diện hộ nghèo. Do đó, cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi vận chuyển pháo của cả hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh hàng cấm, ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, bị cáo Q là người khởi xướng việc mua pháo về để sử dụng nên đóng vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo T2; còn hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo T2 là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội và ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống. Do đó, cần phải có mức án thật nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội

phạm. Bị cáo Vũ Thanh T2 phạm 02 tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn do vậy miễn hình phạt bổ sung bằng tiền, để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm hòa nhập với cộng đồng là phù hợp và có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với những vật chứng đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp; xét thấy việc trả lại là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về việc trả lại này, do vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với 25,07 kg pháo (đã lấy mẫu giám định 0,36kg), còn lại 24,71kg cùng toàn bộ vỏ bao gói và 3,1747gam Methamphetamine (đã lấy mẫu giám định 0,4683gam), còn lại 2,7064gam cùng toàn bộ vỏ bao, lọ nhựa. Xét thấy pháo và ma túy là đối tượng Nhà nước cấm kinh doanh, lưu hành; còn toàn bộ vỏ, bao gói, lọ là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với 01 Căn cước công dân, 01 Hội chấu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu giữ của Vũ Thanh T2 và 01 Căn cước công dân, 01 Hội chấu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu giữ của Bùi Văn Q không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại cho bị cáo.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về điều luật áp dụng; tội danh truy tố; mức hình phạt; xử lý vật chứng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; các quan điểm bào chữa cho bị cáo Q của Trợ giúp viên pháp lý về việc đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất sẽ được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình lượng hình.

[8] Về các nội dung khác:

Đối với hai người đàn ông và một người phụ nữ Lào bán pháo và ma túy cho Vũ Thanh T2. Tuy nhiên, do T2 không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Việc Vũ Thanh T2 mua và tàng trữ ma túy thì Bùi Văn Q hoàn toàn không biết, nên Q không liên quan đến hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của T2.

Đối với anh Lê Cảnh Đ là chủ sở hữu chiếc xe ô tô đầu kéo, biển kiểm soát 37H-019.04 và Rơ moóc, biển kiểm soát 37R-026.83, anh Đ hoàn toàn không biết việc các bị cáo mua pháo từ Lào cất giấu vào trong xe để đưa về Việt Nam sử dụng, cũng như việc bị cáo Vũ Thanh T2 tàng trữ ma túy trên xe, do vậy không có căn cứ để xem xét vai trò, trách nhiệm của anh Đ trong vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn Q thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí còn bị cáo Vũ Thanh T2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thanh T2 và Bùi Văn Q về tội “Vận chuyển hàng cấm”;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thanh T2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Điểm c khoản 1 Điều 47; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Q phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”; bị cáo Vũ Thanh T2 phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2023.

2.2 Xử phạt bị cáo Vũ Thanh T2 30 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm” và 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Vũ Thanh T2 phải chấp hành hình phạt chung là 54 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1 Tịch thu tiêu hủy 25,07kg pháo (đã lấy mẫu giám định 0,36gam), còn lại 24,71gam cùng toàn bộ vỏ, bao gói được đựng trong 01 thùng các tông kích thước (46x48x35)cm dán kín, trên mép dán có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và bị cáo Vũ Thanh T2, Bùi Văn Q; 3,1747gam Methamphetamine (đã lấy mẫu giám định 0,4638gam), còn lại 2,7064gam cùng toàn bộ vỏ bao, lọ nhựa, được bỏ trong 01 phong bì thư dán kín, trên mép dán có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và bị cáo Vũ Thanh T2, Bùi Văn Q;

3.2 Trả lại cho Vũ Thanh T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu bạc; 01 Căn cước công dân số 040086004332, mang tên Vũ Thanh T2, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/4/2021; 01 Hộ chiếu số P02259872, mang tên Vũ Thanh T2, cấp ngày 21/6/2023.

3.3 Trả lại cho Bùi Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, điện thoại đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số 0975793961 và số 0836651783; 01 Căn cước công dân số 040079003708, mang tên Bùi Văn Q, do

Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/4/2021; 01 Hộ chiếu số K0316293, mang tên Bùi Văn Q, cấp ngày 13/4/2022.

(Tình trạng, đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo Bùi Văn Q; buộc bị cáo Vũ Thanh T2 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện Hương Sơn;
- Công an huyện Hương Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Hương Sơn;
- THA Hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HSVA - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Đạt